

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Hydrogen Peroxide 30%

Mã CAS: 7722-84-1

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Hydrogen peroxide 30%
- Tên khác:** Oxy già, Hydro peroxit
- Công thức phân tử:** H₂O₂
- Sử dụng đã định:** Tẩy trắng, khử trùng, xử lý nước, dùng trong thí nghiệm hóa học
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty:** Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - MST:** 0314051291
 - Địa chỉ:** 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - SĐT khẩn cấp:** 0909.907.861 (giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS03** (Ngọn lửa trên vòng – Chất oxy hóa)
 - GHS05** (Ấn mòn – Gây bong da/mắt nghiêm trọng)
 - GHS07** (Dấu chấm than – Độc tính nhẹ)
- Từ cảnh báo:** NGUY HIỂM
- Câu cảnh báo nguy hại:**
 - H271: Có thể gây cháy mạnh, chất oxy hóa mạnh
 - H302: Có hại nếu nuốt phải
 - H314: Gây bong nặng cho da và tổn thương mắt nghiêm trọng
- Câu phòng ngừa:**
 - P210: Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa
 - P280: Mang găng tay, kính bảo hộ, đồ bảo hộ thích hợp
 - P301+P330+P331: Nếu nuốt phải, xúc miệng, không được gây nôn
 - P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt, rửa với nước ít nhất 15 phút và đến cơ sở y tế

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Thành phần:** Hydrogen peroxide
- Công thức:** H₂O₂
- Nồng độ:** 30%
- Mã CAS:** 7722-84-1
- Thành phần còn lại:** Nước (H₂O)

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển đến nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa ngay với nước trong ít nhất 15 phút, tháo bỏ quần áo bị dính
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt liên tục với nước, ít nhất 15–20 phút, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Không gây nôn, uống nước để pha loãng, đi khám ngay lập tức

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không cháy, nhưng là **chất oxy hóa mạnh**, có thể gây cháy chất khác
- Chất chữa cháy phù hợp:** Nước phun sương, CO₂, bột khô (trong điều kiện an toàn)
- Sản phẩm cháy nguy hiểm:** Sinh O₂ và hơi độc
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, đồ chống cháy hóa chất

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, sử dụng bảo hộ đầy đủ
- **Biện pháp môi trường:** Không đổ vào cống, nước mặt
- **Phương pháp làm sạch:** Trung hòa với dung dịch natri bisulfit nếu được phép, gom bằng vật liệu hút thấm không cháy

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Ở nơi thông thoáng, tránh nhiệt và ánh sáng
- **Bảo quản:** Nhiệt độ mát (2–8°C), trong chai tối màu, kín, không kim loại
- **Không tương thích:** Kim loại, kiềm mạnh, chất khử, bụi dễ cháy

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Gới hạn phơi nhiễm (ACGIH TWA):** 1 ppm (1.4 mg/m³)
- **Trang bị bảo hộ:**
 - **Hô hấp:** Mặt nạ lọc khí khi nồng độ cao
 - **Tay:** Găng tay chống hóa chất (nitrile, neoprene)
 - **Mắt:** Kính chống hóa chất
 - **Da:** Áo choàng chống hóa chất

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Dung dịch lỏng
- **Màu sắc:** Trong suốt, không màu
- **Mùi:** Mùi nhẹ đặc trưng
- **Tỷ trọng:** ~1.11 g/cm³
- **pH:** ~3.3
- **Điểm sôi:** ~108°C (30%)
- **Độ tan trong nước:** Tan hoàn toàn
- **Tính oxy hóa:** Mạnh

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định trong điều kiện bảo quản đúng
- **Tránh:** Nhiệt, ánh sáng, chất khử
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phân hủy sinh O₂ – gây tăng áp suất
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Oxy (O₂), hơi độc

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột):** ~ 801 mg/kg (uống)
- **Tác động cấp tính:** Bỏng da, mắt, đường tiêu hóa
- **Tác động mãn tính:** Có thể gây hư hại mô nếu tiếp xúc kéo dài

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Có thể gây hại sinh vật nước nếu ở nồng độ cao
- **Khả năng phân hủy sinh học:** Có – phân hủy thành nước và oxy
- **Tác động môi trường:** Không nên xả trực tiếp ra nguồn nước

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Chất thải:** Pha loãng, trung hòa, sau đó xử lý theo quy định địa phương
- **Bao bì:** Không tái sử dụng chai chứa; thải bỏ đúng cách

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 2014
- **Tên vận chuyển quốc tế:** Hydrogen peroxide, aqueous solution

- **Nhóm nguy hiểm:** 5.1 (Chất oxy hóa)
 - **Nhóm đóng gói:** II
 - **Biển cảnh báo:** OXYDIZER – CHẤT OXY HÓA
-

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- **Luật Việt Nam:** Thuộc danh mục hóa chất hạn chế sử dụng trong phòng thí nghiệm
 - **GHS:** Đáp ứng tiêu chuẩn GHS toàn cầu
 - **Khác:** Cần thông báo khi vận chuyển số lượng lớn
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 07/10/2025
- **Nguồn tham khảo:** GHS, Merck Index, Sigma-Aldrich, PubChem
- **Khuyến cáo:** Chỉ sử dụng bởi người đã được đào tạo về hóa chất nguy hiểm
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế